TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2021
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất.
Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 921/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vòng Trương T, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Chị Gịp Bé T, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ anh Vòng Trương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Gịp Bé T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2007.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do hai người không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và anh chị đã ly thân từ năm 2015. Nay anh nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có một con chung là cháu Vòng Gia A, sinh ngày 21/3/2008, hiện nay đang chung sống với anh nên ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Gia A, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Gịp Bé T trình bày:

Chị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh T được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Vòng Trương T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Gịp Bé T, sinh năm: 1988, hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh T nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và chị T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã S cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89 ngày 29/8/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh T yêu cầu ly hôn với chị T vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị T không quan tâm đến gia đình và anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay, đồng thời Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T để làm việc nhưng chị T vắng mặt không lý do thể hiện chị không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có một con chung là cháu Vòng Gia A, sinh ngày 21/3/2008, ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng và cháu Ân cũng có nguyện vọng được sống cùng anh T nên giao con chung cho anh T trược tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vòng Trương T về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với chị Gịp Bé T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vòng Trương T được ly hôn với chị Gịp Bé T.

Về con chung: Giao cháu Vòng Gia A, sinh ngày 21/3/2008 cho anh Vòng Trương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời chị Gịp Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Gịp Bé T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vòng Trương T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006022 ngày 11/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Vòng Trương T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương